

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO LÝ TỰ TRỌNG

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH

Tên học phần: **Tiếng Hàn 2**

Năm học: **2018 - 2019**

Học kỳ: **HK02**

STT	MSSV	HỌ TÊN		LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH (50%)					ĐIỂM THI (50%)		TỔNG TB (1+2)	GHI CHÚ
					Chuyên cần (10%)	KT1	KT2	TB KT (30%)	ĐIỂM TB (1)	Thi Lần 1	ĐIỂM TB (2)		
1	18001398	Lê Thị Kim	Anh	18T4-NNA2	7,0	8,0	8,5	8,3	7,8	7,7	7,7	7,7	ĐẠT
2	18000960	Nguyễn Trần Gia	Bảo	18T4-NNA2	5,0	8,0	6,0	7,0	6,3	7,1	7,1	6,8	ĐẠT
3	18000707	Võ Ngọc	Điệp	18T4-NNA1	8,0	9,0	8,0	8,5	8,3	7,4	7,4	7,7	ĐẠT
4	18000823	Nguyễn Song	Huy	18T4-NNA2	9,5	8,0	8,0	8,0	8,5	6,8	6,8	7,4	ĐẠT
5	18000891	Phùng Thảo	Mỹ	18T4-NNA2	6,0	7,0	8,5	7,8	7,2	7,5	7,5	7,4	ĐẠT
6	18000577	Huỳnh Phạm Trần Lê	Na	18T4-NNA1	10,0	8,0	10,0	9,0	9,3	9,7	9,7	9,6	ĐẠT
7	18001006	Phan Nhật Kim	Ngân	18T4-NNA2	5,0	7,0	8,5	7,8	6,8	6,6	6,6	6,7	ĐẠT
8	18001995	Phạm Nguyễn Thanh	Ngọc	18T4-NNA3	7,0	7,0	8,5	7,8	7,5	7,8	7,8	7,7	ĐẠT
9	18000190	Đinh Thanh	Nguyễn	18T4-NNA1	9,0	8,0	9,0	8,5	8,7	6,7	6,7	7,4	ĐẠT
10	18002231	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	18T4-NNA3	8,0	7,0	8,5	7,8	7,8	0,0	0,0	2,6	RỚT
11	18001014	Trần Hà Kiều	Oanh	18T4-NNA2	10,0	8,0	7,5	7,8	8,5	8,1	8,1	8,2	ĐẠT
12	18000112	Nguyễn Mạnh Hoàng	Quân	18T4-NNA1	10,0	7,0	7,0	7,0	8,0	6,7	6,7	7,1	ĐẠT
13	18000524	Đặng Thị Kim	Trang	18T4-NNA1	9,0	8,0	8,5	8,3	8,5	9,4	9,4	9,1	ĐẠT
14	18000002	Phạm Quang	Hiếu	18C1-NNA1	10,0	9,0	10,0	9,5	9,7	7,6	7,6	8,3	ĐẠT
15	18005168	Trần Thu	Huyền	18C1-NNA2	9,5	9,0	10,0	9,5	9,5	7,1	7,1	7,9	ĐẠT
16	18002182	Thái Quốc	Phong	18C1-NNA1	10,0	8,0	8,5	8,3	8,8	6,1	6,1	7,0	ĐẠT
17	18004177	Trần Lê Uyên	Phương	18C1-NNA1	10,0	8,0	9,0	8,5	9,0	7,0	7,0	7,7	ĐẠT
18	18004440	Phan Thị Mỹ	Thơ	18C1-NNA1	10,0	9,0	8,5	8,8	9,2	9,5	9,5	9,4	ĐẠT
19	18004705	Phan Thị	Thuận	18C1-NNA1	10,0	9,0	8,5	8,8	9,2	8,5	8,5	8,7	ĐẠT

Tỷ lệ

RỚT	SL	%
ĐẠT	1	2,7
HÔNG	18	48,6
	0	0,0

Ngày tháng năm

GIẢNG VIÊN

TỔNG	19	51,4
------	----	------